

Bản án số: **24/2026/HNGĐ - ST**

Ngày: 28/4/2026

V/v: “*TrA chấp ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13-LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ThA Nữ Kiều OA

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Đồi

2. Bà Phạm Thị Bích Lệ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Mỹ Tuyên - Kiểm sát viên.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thành - Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 13- Lâm Đồng

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13- Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 10/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc “*TrA chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 10/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 13- Lâm Đồng giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1984

Bị đơn: A Mang Văn A, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Lâm Đồng

Có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện quá trình điều tra thu thập chứng cứ nguyên đơn chị Hoàng Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Mang Văn A có thời gian tìm hiểu, sau đó tiến đến xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi.

Vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại UBND xã Phan Điền nay là xã Hải Ninh.

Sau khi xác lập quan hệ vợ chồng về nhà cha mẹ chị ở vì chị là con gái út theo phong tục phải ở với cha mẹ.

Cuộc sống chung vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến 2023 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn về lối sống và quan điểm gia đình. Vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra tranh cãi gay gắt. Sau đó vợ chồng có ngồi lại nói chuyện nhưng vẫn không tìm được sự thấu hiểu nên tình trạng của vợ chồng ngày càng căng thẳng kéo dài. Trong cuộc sống vợ chồng dùng lời lẽ nặng nề, thiếu tôn trọng nhau làm cuộc sống vợ chồng ngày càng ngột ngạt. Đến cuối năm 2025 anh Văn A về nhà cha mẹ của anh Văn A ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Cha mẹ chị đã mất, bên anh Văn A cũng chỉ còn mỗi mẹ nên khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn mẹ A Văn A cũng không nói gì để vợ chồng tự giải quyết.

Vợ chồng không có khả năng đoàn tụ vì mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Mang Văn A.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung:

- Hoàng Thị Ánh U – sinh năm 2005 đã trưởng thành
- Hoàng Thị Ánh N – sinh ngày 14/7/2014
- Mang Hoàng Phúc E – sinh ngày 08/8/2024

Hiện cháu Ngụy và cháu Thiên đang ở với mẹ, chị yêu cầu được nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Mang Văn A: Anh Mang Văn A không đến Tòa án theo giấy triệu tập, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13- Lâm Đồng phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

- Nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật.
- Bị đơn vắng mặt không có lý do là vi phạm Điều 72 BLTTDS năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9, Điều 19; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề xuất:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị S.

Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị S được ly hôn với A Mang Văn A.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Hoàng Thị Ánh N, sinh ngày 14/7/2014 và Mang Hoàng Phúc E, sinh ngày 08/8/2024 cho chị Hoàng Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Mang Văn A không cấp dưỡng nuôi con. Anh Mang Văn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của các con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí, chi phí tố tụng: Chị Hoàng Thị S phải chịu án phí theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả trả trưng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm anh Mang Văn A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt A Mang Văn A.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện thì giữa chị Hoàng Thị S và anh Mang Văn A có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phan Điền theo Giấy chứng nhận kết hôn số 002 ngày 06/02/2004 nay là xã Hải Ninh nên xác định loại trA chấp là trA chấp hôn nhân gia đình và thuộc quan hệ “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Mang Văn A có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Tân Điền, xã Hải Ninh, tỉnh Lâm Đồng nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13- Lâm Đồng theo quy định tại Điều 1, Điều 3 của Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị S, HĐXX nhận thấy: Chị Hoàng Thị S và anh Mang Văn A xác lập quan hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp do đó phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Chị S và anh Văn A xác lập quan hệ vợ chồng năm 2004 và vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn lý do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng không thấu hiểu nhau, không còn tôn trọng nhau. Mâu thuẫn ngày càng gay gắt đến cuối năm 2025 vợ chồng sống ly thân. Giữa chị S và anh Văn A đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Hai bên không còn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại các Điều 19, 21 và 22 Luật Hôn nhân và gia đình, đặc biệt là nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, chung sống với nhau.

Anh Văn A mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập đến Tòa án để làm việc nhưng anh Văn A cố tình không đến, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, chứng tỏ anh Văn A đã không có thiện chí để hàn gắn lại hạnh phúc gia đình với chị S.

Từ nhận định trên có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh Văn A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của chị S với anh Văn A là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Thị Ánh U, sinh ngày 03/9/2005 đã trưởng thành, cháu N đã đủ tuổi để Tòa án xem xét, ghi nhận ý kiến theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; trong quá trình giải quyết vụ án, cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ là chị S. Xét thấy nguyện vọng của cháu là tự nguyện, phù hợp với điều kiện thực tế, cần được tôn trọng.

Đối với cháu E, hiện còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi; theo quy định của pháp luật, con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng nếu người mẹ có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị S là người trực tiếp nuôi các con từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đến nay, chị S có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo tốt hơn về mặt tinh thần, học tập và sinh hoạt của các cháu; việc giao các cháu cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo sự ổn định về môi trường sống, phù hợp với lợi ích về mọi mặt của các cháu, chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị S được ly hôn với anh Mang Văn A

Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị S trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung: Hoàng Thị Ánh N – sinh ngày 14/7/2014 và Mang Hoàng Phúc E – sinh ngày 08/8/2024 đến khi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, chị S đã nộp tại biên lai thu số 0000771, ngày 13/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng, nên cản trở chị Hoàng Thị S đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên báo cho họ biết có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS ND (khu vực 13- Lâm Đồng);
- THADS tỉnh;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



ThA Nữ Kiều OA

